TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 11 năm 2019
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Anh và ông Y Míp Niê
Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Hà, thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2019/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị N (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn T, xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
Bị đơn: Anh Nông Hồng N (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn T, xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị Đặng Thị N (N) trình bày: Chị và anh Nông Hồng N (N) kết hôn với nhau vào ngày 17 tháng 9 năm 2009. Trong quá trình chung sống, anh chị có hai con chung tên là Nông Quang H (H), sinh ngày 12 tháng 8 năm 2009 và cháu Nông Hồng Đ (Đ), sinh ngày 05 tháng 5 năm 2013, còn con riêng, con nuôi anh chị không có. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh N. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng giao hai con chung cho anh N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, cháu Nông Quang H trình bày: Cháu là con của ông N, bà N. Trường hợp ông N, bà N ly hôn thì cháu có nguyện vọng ở với ông N và không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng.

Tại biên bản xác minh ngày 28 tháng 8 năm 2019 Ủy ban nhân dân xã Ea, huyện Kr, tỉnh Đắk Lăk cung cấp thông tin: Anh N và chị N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chửi bới xúc phạm nhau. Anh N là người rượu chè hay bỏ bê nhà cửa. Hiện nay, anh N và chị N đã sống ly thân.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến đã khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, còn bị đơn mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N ly hôn với anh N. Sau khi ly hôn, giao hai con chung cho anh N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Ngày 17 tháng 9 năm 2009, chị N và anh N kết hôn với nhau. Trong quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung. Hiện nay, anh chị không còn sống chung với nhau. Chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

+ Chị N làm đơn và có nộp tiền tạm ứng án phí. Anh N có nơi cư trú ở xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk căn cứ vào các Điều 35; 39; khoản 3 Điều 195 của BLTTDS để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh N không đến Tòa để làm việc và vắng mặt tại phiên tòa lần hai, vì vậy Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nết, thì HĐXX xét thấy:

+ Về quan hệ hôn nhân: Trong thời kỳ hôn nhân, anh N và chị N thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Anh N có hành vi xúc phạm chị N, nên chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và làm ăn ở xa. Nội dung này đã được chính quyền địa phương xác định về tình trạng hôn nhân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị N đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là có cơ sở pháp lý phù hợp với Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên HĐXX chấp nhận, cho chị N ly hôn với anh N.

+ Về con chung: Anh N và chị N có 02 con chung. Hiện nay, hai con chung đang ở với anh N. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng giao cho anh N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Xét thấy đây là sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của con nên

HĐXX chấp nhận, giao các cháu Nông Quang H, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2009 và cháu Nông Hồng Đ, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2013 cho anh N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Chị N không không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập.

[4]. Về án phí: Vì đây là vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu, thì chị N vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51; 65; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị N về việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị N ly hôn với anh Nông Hồng N.

+ Về con chung: Giao cháu Nông Quang H, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2009 và cháu Nông Hồng Đ, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2013 cho anh Nông Hồng N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi).

Chị N có quyền, nghĩa vụ chăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp chị N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, thì anh N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị N.

2. Về án phí: Chị Đặng Thị N phải chịu 300.000đ tiền án phí DSST. Được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi thành án dân sự huyện Krông Năng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/ 0014919 ngày 03 tháng 7 năm 2019.

3. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

ĐỖ VĂN DŨNG